

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Minh Tiếp và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa - Thư ký TAND huyện Văn Giang

-Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà **Lý Thị L** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2024 về việc “**xin ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 17/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Tuyết N**, SN: 1987

Địa chỉ: **thôn C, xã K, huyện G, tp Hà Nội**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, SN: 1981

Địa chỉ: **thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu **Nguyễn Gia H**, sinh ngày: 24/12/2013

Địa chỉ: **thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.**

- Cháu **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 01/5/2021

Địa chỉ: **thôn C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện hợp pháp của cháu **Nguyễn Gia H** là bố đẻ cháu **A Nguyễn Văn S.**

Người đại diện hợp pháp của cháu **P** là mẹ đẻ cháu chị **Đinh Thị Tuyết N.**

Người làm chứng:

- Ông **Nguyễn Hồng C**, sinh năm 1948

- Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: **thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.**

- Bà **Đỗ Thị L1**, sinh năm 1963

Địa chỉ: **thôn C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.**

Tại phiên tòa: Chị **N**, anh **S** có mặt. Cháu **H**, cháu **P**, ông **C**, bà **X**, bà **L1** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị **Đinh Thị Tuyết N trình bày:**

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh **S** tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện V** ngày 18/02/2013. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, vợ chồng ở tại gia đình chồng cùng với bố mẹ chồng, ăn chung cùng gia đình. Hai vợ chồng đều công tác tại **B** ở Hà Nội, sáng đi làm tối về nhà. Cuộc sống vợ chồng yên ấm được những năm đầu còn về sau hay mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân do hai vợ chồng càng sống với nhau càng thấy không hợp nhau, nhiều bất đồng, mâu thuẫn mà đôi bên không thể giải quyết. Hơn nữa anh **S** cũng chơi bời và đầu tư làm ăn thua lỗ nên đời sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi vì thế ảnh hưởng rất lớn đến tình cảm vợ chồng và đời sống chung. Từ đầu năm 2023 vợ chồng ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy nên chị xin ly hôn anh **S** để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu **Nguyễn Gia H** sinh ngày 24/12/2013 và cháu **Nguyễn Văn P** sinh ngày 01/5/2021. Từ khi ly thân, chị nuôi cháu **P** còn anh **S** nuôi cháu **H**. Ly hôn, chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, anh **S** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **H**, chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu **P** cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hai bên đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện thu nhập bình quân của chị khoảng 13.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung, đất nông nghiệp: Vợ chồng không có gì chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh **Nguyễn Văn S trình bày:**

Vợ chồng ngay từ khi kết hôn đã không chung nhau về kinh tế, thu nhập của ai người đó giữ, nếu có công việc gì cần chi tiêu thì hai bên đóng góp. Về sau cũng xảy ra nhiều bất đồng từ vấn đề anh muốn tập trung kinh tế nhưng chị **N** không đồng ý. Vợ chồng anh sáng đi làm tối về nhà, bố mẹ anh ở nhà chăm lo các cháu ăn học cho anh chị yên tâm công tác. Anh có chơi chứng khoán và mắc nợ mấy trăm triệu tuy nhiên anh đã trả nợ, không để liên lụy gì đến chị **N** và gia đình. Vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng anh là do không chung kinh tế, chị **N** quen cuộc sống tự do, không chung đụng, không phải lo toan gì nên vợ chồng căng thẳng và có vài lần cãi, đánh nhau. Hơn nữa chị **N** lại được gia đình bao bọc cho ăn ở và chăm cháu giúp nên chị thích về ở nhà ngoại, ở đó chị thích đi đâu thì đi, thích làm gì thì làm, thoải mái, tự do. Vợ chồng có cách suy nghĩ, cách sinh hoạt và lối sống không giống nhau, không hợp nhau, anh muốn thế này, chị **N** lại muốn thế kia và hai bên không thể hòa hợp được nên xích mích tất yếu xảy ra. Vào dịp gần tết năm 2023, vợ chồng lại xảy ra bất đồng, chị **N** đã dọn đồ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ ngày đó cho đến nay vợ chồng hoàn toàn ly thân, anh chị chỉ còn liên hệ với nhau những vấn đề liên quan đến các con. Nay chị **N** xin ly hôn, anh thực lòng vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng chăm lo cho con, nuôi dạy các con trưởng thành. Anh cũng đã nói chuyện với chị **N** về việc hàn gắn và cũng đã đưa ra phương án là nếu vợ chồng hàn gắn thì kinh tế tập

trung, chị N là người giữ đê lo liệu mọi việc, nếu trường hợp cơ quan chuyển về trụ sở mới xa hơn thì vợ chồng con cái chuyển lên đó thuê nhà ở để tập trung, không phải đi lại xa. Sắp tới lương mới, hai vợ chồng lương mỗi tháng 20 triệu đồng thì không lo gì về vấn đề kinh tế, hoặc nếu chị N không thích thuê nhà thì lại đi đi về về nhưng chị N không đồng ý, và vẫn giữ quan điểm là sẽ ly hôn và giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay. Anh đề nghị Tòa án hòa giải, khuyên nhủ chị N giúp anh để vợ chồng đoàn tụ, đỡ khổ con cái. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày. Từ khi vợ chồng ly thân chị N nuôi cháu P còn anh nuôi cháu H. Cả hai vẫn thường xuyên đưa, đón các con về chơi. Nếu trường hợp phải ly hôn, anh muốn các cháu do một người nuôi dưỡng cho có anh, có em. Nếu anh nuôi anh sẽ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, còn nếu chị N nuôi mà có yêu cầu cấp dưỡng thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị. Hiện nay, tổng thu nhập của anh được khoảng 16.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung, đất nông nghiệp: Vợ chồng anh không có gì chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Gia H - con chung của chị N, anh S trình bày: Trước đây cả gia đình cháu ở cùng nhà với ông bà nội nhưng bố mẹ cháu hay cãi nhau và hơn một năm nay mẹ cháu và em cháu về ở nhà ông bà ngoại. Cháu cũng không biết nguyên nhân tại sao bố mẹ cháu lại cãi nhau, có lần bố còn đánh mẹ cháu. Cháu ở với bố và ông bà nội, mẹ vẫn về thăm cháu, cho cháu đi chơi, mẹ vẫn quan tâm chăm sóc cháu. Bố cháu ngoài thời gian đi làm, buổi tối bố về nhà và có dạy cháu học, bố cũng quan tâm chăm sóc cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin Tòa án cho tiếp tục được ở với bố cháu như hiện nay. Cháu đi học nên xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử vụ việc ly hôn của bố mẹ cháu.

Lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Hồng C, bà Lê Thị X1 là bố mẹ đẻ anh S thể hiện:

Vợ chồng con cái anh S ở chung, ăn chung với ông bà. Anh chị hàng ngày đi làm từ sớm đến tối mới về, ông bà ở nhà chăm lo hết mọi việc trong gia đình và chăm sóc các cháu ăn học cho anh chị yên tâm công tác. Ông bà biết từ khi kết hôn vợ chồng anh S, chị N không tập trung về kinh tế, chi tiêu gì hai vợ chồng đóng góp, gia đình ông bà cũng không để anh chị phải lo liệu việc gì. Vợ chồng anh chị có mâu thuẫn 1 lần vào ngày 12/11/2018 âm lịch khi nhà có giỗ, chị N bỏ về nhà ngoại, sau đó ông đã đến nói chuyện và chị lại quay về đoàn tụ cùng anh S. Anh chị sinh thêm cháu thứ hai và vẫn chung sống bình thường cho đến gần tết 2023, chị N đi làm về sớm, chị xin phép ông bà cho chị dọn đồ về nhà chị, chị và anh S đã thống nhất ly hôn. Ông bà có khuyên chị nhưng chị nhất quyết dọn đồ về. Từ ngày đó đến nay chị không về đoàn tụ cùng anh S nữa. Nay anh chị xảy ra việc ly hôn, ông bà không muốn anh chị đổ vỡ hôn nhân nhưng đây là quyền của anh chị ông bà không can thiệp được.

Ông bà biết ngoài hai con chung là cháu **H** và cháu **P**, anh chị không có gì chung về tài sản, công sức, công nợ, đất nông nghiệp. Anh chị cũng không có liên quan gì đến gia đình ông bà về công nợ, tài sản. Ông, bà bận việc nên xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử vụ việc của anh chị.

Lời khai Người làm chứng bà Đỗ Thị L1 là mẹ đẻ chị N thể hiện:

Vào năm 2018, vợ chồng chị **N** cãi nhau, chị có mang con về nhà bà ở một thời gian, sau đó ông thông gia có đến nói chuyện nên chị **N** lại quay về nhà chồng ở. Tuy nhiên sau đó anh chị vẫn chùng chằng, không hòa hợp được. Gần tết 2023 chị **N** về nhà bà ở cho đến hiện nay đã hơn một năm anh chị ly thân. Nay chị **N** xin ly hôn, bậc cha mẹ không ai muốn con cái ly hôn nhưng do anh chị không hòa hợp, chung sống với nhau không hạnh phúc nên quyết định ly hôn là quyền của anh chị, bà không can thiệp. Chị **N** và cháu **P** đang ở gia đình bà, điều kiện nhà cửa rộng rãi, đảm bảo sinh hoạt, cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc với điều kiện tốt, cháu phát triển tốt. Vợ chồng chị **N** theo bà biết ngoài con chung thì không có gì chung. Vợ chồng chị **N** cũng không có liên quan gì đến gia đình bà về tài sản, công nợ...nên bà không có yêu cầu gì. Bà xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử vụ kiện.

Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện: Chị **N** và anh **S** kết hôn hợp pháp tại UBND xã **L** ngày 18/02/2013. Anh chị có 02 con chung là cháu **Nguyễn Gia H** sinh ngày 24/12/2013 và cháu **Nguyễn Văn P** sinh ngày 01/5/2021. Vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị **N** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, không còn chung sống cùng anh **S**.

Quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải. Chị **N** xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, chị kiên quyết xin ly hôn. Anh **S** không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến con cái. Vì vậy phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị **N** giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh **S**. Chị xin được nuôi dưỡng cháu **P**, để anh **S** nuôi dưỡng cháu **H**, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề về tài sản, công nợ, công sức, đất nông nghiệp vợ chồng không có gì chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Anh **S** không đồng ý ly hôn. Trường hợp phải ly hôn anh xin nuôi cả hai con chung đến khi các cháu thành niên, anh không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con; nếu chị **N** không đồng ý thì anh để chị **N** nuôi cả hai con, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị, anh không muốn các cháu phải tách ra. Các vấn đề về tài sản, công nợ, công sức, đất nông nghiệp vợ chồng không có gì chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm

bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị **N** được ly hôn anh **S**. Về con chung, giao cho chị **N** nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Văn P**, giao cho anh **S** nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Gia H** đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất nông nghiệp: Do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí, nguyên đơn chị **N** phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và hồ sơ gửi kèm theo của chị **N** về việc Xin ly hôn anh **Nguyễn Văn S** thường trú tại **thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên** và về việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu **H**, cháu **P** nhưng đã có anh **S** và chị **N** là đại diện hợp pháp của các cháu có mặt. Những người làm chứng là ông **C**, bà **X1**, bà **L1** vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy:

Chị **N** và anh **S** tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện V** ngày 18/02/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không chung nhau về kinh tế dẫn đến nhiều bất đồng, xô sát, mâu thuẫn không giải quyết được khiến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2023 đến nay anh chị ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Chị **N** kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Anh **S** không đồng ý ly hôn vì không muốn con cái bị ảnh hưởng.

Xét thấy: Vợ chồng chị **N**, anh **S** xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2023. Anh **S** không đồng ý ly hôn chỉ là do không muốn ảnh hưởng đến các con; thực tế từ khi ly thân, vợ chồng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân. Anh **S** có mong muốn đoàn tụ nhưng cũng bế tắc vì chị **N** không còn tình cảm với anh, không muốn tiếp tục chung sống cùng anh. Điều đó chứng tỏ anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **N** xin được ly hôn là chính

đáng, có cơ sở, phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng, phù hợp pháp luật nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu **Nguyễn Gia H** sinh ngày 24/12/2013 và cháu **Nguyễn Văn P** sinh ngày 01/5/2021. Ly hôn chị **N** xin được quyền nuôi dưỡng cháu **P**, để anh **S** nuôi dưỡng cháu **H**, hai bên đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **S** không đồng ý, quan điểm của anh là chị **N** hoặc anh sẽ nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu anh nuôi thì anh sẽ không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con, nếu chị **N** nuôi thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị nhưng chị **N** không đồng ý.

Xét thấy: Về điều kiện kinh tế, chị **N** và anh **S** cùng làm tại một cơ quan, anh chị đều đang ở cùng bố mẹ đẻ và chưa có nhà đất riêng; điều kiện về công việc, thu nhập, nơi ở, thời gian chăm sóc con cái của hai anh chị là tương tự nhau. Từ khi vợ chồng ly thân, chị **N** nuôi dưỡng cháu **P**, anh **S** nuôi dưỡng cháu **H**, cả hai cháu đều được yêu thương, chăm sóc rất tốt. Cháu **P** mới 3 tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ, cháu **H** có nguyện vọng được ở với anh **S**. Vì vậy, yêu cầu của chị **N** về con chung có cơ sở để chấp nhận. HĐXX sẽ giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung của anh chị như hiện nay. Giao cháu **P** cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu **H** cho anh **S** tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị **N** và anh **S** đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Chị **N** và anh **S** cùng xác nhận không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên sẽ không xem xét, giải quyết các vấn đề này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Luật phí và lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đinh Thị Tuyết N** được ly hôn anh **Nguyễn Văn S**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Văn P** sinh ngày 01/5/2021 cho chị **Đinh Thị Tuyết N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu **Nguyễn Gia H**, sinh ngày 24/12/2013 cho anh **Nguyễn Văn S** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **N** và anh **S** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau ly hôn, không ai được cản trở, ngăn cấm chị **Đinh Thị Tuyết N** và anh **Nguyễn Văn S** thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì quyền lợi của con chung, chị **N** và anh **S** đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Đinh Thị Tuyết N** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001309 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị **N** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND huyện Văn Giang.
- Chi cục THADS huyện Văn Giang.
- UBND xã Long Hưng (ĐKKH số 17 Ngày 18/02/2013)
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Lâm